

Bản án số: 447/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2022
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, THÀNH PHỐ HN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**, Bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Diệu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hòa** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Đỗ Hữu H** – sinh năm 1982. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Chị **Đỗ Thị L** – sinh năm 1981. (có đơn xin vắng mặt)

Đều có HKTT và cư trú tại: Thôn QC, xã PN, huyện CM, thành phố HN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh **Đỗ Hữu H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Đỗ Thị L** có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20/12/2001 tại UBND xã PN, huyện CM, HN. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống từ năm 2017 đến nay đồng thời vợ chồng đã ly thân từ thời điểm đó. Nay anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa cho anh được ly hôn với chị **L** để anh ổn định cuộc sống

Về con chung: Anh **H** và chị **L** có 02 con chung là cháu **Đỗ Hữu T**, sinh ngày 05/9/2002 và **Đỗ Ngọc D**, sinh ngày 04/02/2008. Hiện cháu **T** đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Sau khi ly hôn anh **H** tôn trọng nguyện

vọng ở cùng với mẹ của cháu D, cháu xin được ở với mẹ, anh H nhất trí. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt bị đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L xác nhận chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20/12/2001 tại UBND xã PN, huyện CM, HN. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời cờ bạc, có quan hệ ngoài luồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng không có tiếng nói chung, đồng thời vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Vì để có gia đình đầy đủ cho các con nên chị không muốn ly hôn, mong được đoàn tụ để anh và chị cùng chăm sóc con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Hữu T, sinh ngày 05/9/2002 và Đỗ Ngọc D, sinh ngày 04/02/2008. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Anh H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn chị L. Về con chung: Hiện cháu T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cháu D có nguyện vọng ở cùng mẹ nên anh nhất trí giao cháu D cho chị L cháu nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung chúng tôi tự thỏa thuận. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Đỗ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã có biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cùng các tài liệu giao nhận các thông báo của Tòa án nên đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của của Bộ luật dân sự

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho anh Đỗ Hữu H được ly hôn chị Đỗ Thị L.

Về con chung: Hiên 01 con chung là cháu Đỗ Hữu T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao 01 con chung là Đỗ Ngọc D, sinh ngày 04/02/2008, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi có thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị L cư trú tại xã PN, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Đỗ Thị L đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định xét xử vụ án, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hữu H kết hôn với chị Đỗ Thị L trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết ngày 20/12/2001 tại UBND xã PN, huyện CM, HN nên hôn nhân giữa anh H và chị L là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh H, chị L và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa anh H và chị L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H không có trách nhiệm chăm sóc gia đình, còn chơi bời dẫn đến vợ chồng thường tình cảm phai nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân. Trước yêu cầu của anh H xin ly hôn chị L không đồng ý ly hôn vì muốn các con có đầy đủ cha mẹ, tuy nhiên các lần Tòa án tiến hành hòa giải chị đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh H xin ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh H và chị L xác nhận có 02 con chung là cháu Đỗ Hữu T, sinh ngày 05/9/2002 và Đỗ Ngọc D, sinh ngày 04/02/2008. Hiên cháu T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét cháu D đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu cho chị L nuôi dưỡng là có căn cứ.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đỗ Hữu H được ly hôn chị Đỗ Thị L.

2. Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là Đỗ Hữu T, sinh ngày 05/9/2002 và Đỗ Ngọc D, sinh ngày 04/02/2008. Hiện cháu Đỗ Hữu T đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giao 01 con chung là Đỗ Ngọc D, sinh ngày 04/02/2008 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đỗ Hữu H có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đỗ Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076104 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Hữu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã PN, huyện CM, Tp. HN
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

Nguyễn Việt Dũng